

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

INTERNATIONAL CONTRACT MANUFACTURE AGREEMENT

THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ

Số/ No.:

Giữa
Between

CÔNG TY
..... COMPANY

Và
And

CÔNG TY
..... COMPANY

TRANSLATION

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

Contents

Mục lục

1. Manufacture and supply of the Goods.....	5
1. Sản xuất và cung cấp Hàng hóa.....	5
2. Payment of price	11
2. Điều khoản thanh toán.....	11
3. Late payment and interest	11
3. Chậm thanh toán và lãi suất trả chậm.....	11
4. Quality of the products.....	12
4. Chất lượng sản phẩm.....	12
5. Intellectual property and trademarks	14
5. Quyền sở hữu trí tuệ và thương hiệu.....	14
6. Cooperation of the Parties for improvements and modifications.....	16
6. Sự hợp tác giữa các Bên để cải tiến và điều chỉnh.....	16
7. Duration and termination.....	18
7. Thời hạn hợp đồng và chấm dứt hợp đồng.....	18
8. Consequences of termination.....	19
8. Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng.....	19
9. Confidentiality.....	21
9. Bảo mật.....	21
10. Force majeure – excuse for non-performance	22
10. Bất khả kháng - miễn trách cho các vi phạm hợp đồng.....	22
11. Change of circumstances (hardship).....	24
11. Thay đổi hoàn cảnh (gánh nặng nghĩa vụ).....	24
12. No partnership or agency	26
12. Không hợp danh hay có quan hệ đại lý.....	26
13. Assignment and subcontracting	26
13. Ủy thác và hợp đồng thứ cấp.....	26

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

14. Notices	26
14. <i>Thông báo</i>	26
15. Entire agreement	27
15. <i>Tính toàn vẹn của hợp đồng</i>	27
16. Effect of invalid or unenforceable provisions.....	28
16. <i>Ảnh hưởng của các quy định vô hiệu hay không thể thực hiện</i>	28
17. Authorizations.....	28
17. <i>Các loại chấp thuận/phê chuẩn</i>	28
18. Dispute resolution procedure	29
18. <i>Thủ tục giải quyết tranh chấp</i>	29
19. Applicable law	30
19. <i>Luật áp dụng</i>	30

TRANSLATION

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

PARTIES:

CÁC BÊN:

Manufacturer

Nhà Sản xuất

Name (name of company)

Tên (tên công ty)

Legal form (e.g. limited liability company)

Hình thức pháp lý (ví dụ công ty trách nhiệm hữu hạn)

Country of incorporation and (if appropriate) trade register number.

.....

Quốc tịch và số đăng ký kinh doanh (nếu có)

Address (address of place of business of the Manufacturer, phone, fax, e-mail)

.....

Địa chỉ (địa điểm kinh doanh của Nhà Sản xuất, số điện thoại, số fax, email)

Represented by (surname and first name, address, position, legal title of representation)

.....

Đại diện bởi (tên họ, địa chỉ, chức vụ, thẩm quyền đại diện)

Client

Khách hàng

Name (name of company)

Tên (tên công ty)

Legal form (e.g. limited liability company)

Hình thức pháp lý (ví dụ công ty trách nhiệm hữu hạn)

Country of incorporation and (if appropriate) trade register number.

.....

Quốc tịch và số đăng ký kinh doanh (nếu có)

Address (address of place of business of the Client, phone, fax, e-mail)

.....

Địa chỉ (địa điểm kinh doanh của Khách hàng, số điện thoại, số fax, email)

Represented by (address of place of business of the Client, phone, fax, e-mail)

.....

Đại diện bởi (tên họ, địa chỉ, chức vụ, thẩm quyền đại diện)

Collectively “the Parties”

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

Sau đây gọi chung là "Các Bên"

Background

Bối cảnh chung

- A. The Client carries on business in the [field/provision/supply of – specify].
A. Khách hàng kinh doanh trong [lĩnh vực/cung cấp - nêu cụ thể].
- B. The Manufacturer undertakes as part of its business the production/ manufacture and the supply of [– specify the Goods/products].
B. Nhà Sản xuất thực hiện việc sản xuất và cung cấp [-nêu cụ thể hàng hóa/ sản phẩm] như một phần công việc kinh doanh của mình.
- C. The Manufacturer has experience and expertise in the design, engineering and manufacture of goods and the Client, relying on such representation, wishes to engage the Manufacturer to manufacture and supply such goods in relation to the Client's business, and the Manufacturer is willing to manufacture and supply such goods for the Client, on the terms of this contract.
C. Nhà Sản xuất có kinh nghiệm và chuyên môn trong thiết kế, lắp đặt và sản xuất hàng hóa và Khách hàng, dựa trên những điều đó, muốn Nhà Sản xuất sẽ sản xuất và cung cấp hàng hóa liên quan đến công việc kinh doanh của Khách hàng, và Nhà Sản xuất sẵn sàng sản xuất và cung cấp hàng hóa đó cho Khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng này.
- D. To the extent required by the performance of this contract, the Parties shall exchange information on their respective technology and equipment [if not necessary, delete this sub-section D].
D. Trong phạm vi mà việc thực hiện hợp đồng này đòi hỏi, các Bên phải trao đổi cho nhau thông tin về công nghệ và thiết bị của mình [Nếu không cần thiết, có thể xóa bỏ mục D này].
- E. [If necessary, give an additional short explanation of the reason for the contract. If not necessary, delete this sub-section E].
E. [Nếu cần, có thể đưa ra giải thích ngắn gọn về lý do của hợp đồng này. Nếu không cần, có thể xóa bỏ mục E này].

Operative provisions

Các điều khoản hoạt động

1. Manufacture and supply of the Goods

1. Sản xuất và cung cấp Hàng hóa

1.1 Subject to the terms agreed in this contract and the more detailed specifications contained in schedule 1, the Manufacturer shall manufacture and supply the following good(s) to the Client (hereinafter: "the Good" or "the Goods"): [provide short description of The Good(s) – detailed technical specification is to be found in schedule 1];

MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

1.1 *Tuân thủ các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng này và các quy định chi tiết hơn trong phụ lục 1, Nhà Sản xuất phải sản xuất và cung cấp hàng hóa sau đây cho Khách hàng (sau đây gọi là "Hàng hóa"): [mô tả ngắn gọn Hàng hóa - các đặc điểm kỹ thuật chi tiết xem trong phụ lục 1]:*

-
-
-
-
-
-

1.2 The Good(s) to be manufactured and supplied to the Client by the Manufacturer under this contract shall be delivered at/in [specify place(s) of delivery – delete sub-Article 1.2 if not relevant]:

1.2 *Hàng hóa được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng bởi Nhà Sản xuất theo hợp đồng này phải được giao tại [nêu rõ (các) địa điểm giao hàng - bỏ khoản 1.2 này nếu không liên quan]:*

-
-
-
-

1.3 The Good(s) to be manufactured and supplied to the Client by the Manufacturer under this contract shall be delivered on [specify date/time of performance].

1.3 *Hàng hóa được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng bởi Nhà Sản xuất theo hợp đồng này phải được giao vào [nêu Ngày/giờ giao hàng].*

[Alternative 1: If the Good(s) are to be supplied during a certain (limited) period of time:

[Tùy chọn 1: Nếu Hàng hóa phải được cung cấp trong một khoảng thời gian nhất định:

"1.3.1 The Good(s) to be manufactured and supplied to the Client by the Manufacturer under this contract shall be delivered between and [specify timeframe/duration of performance], with the following intervals [specify if necessary – delete if not relevant]."

"1.3.1 Hàng hóa được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng bởi Nhà Sản xuất theo hợp đồng này phải được giao từ đến [nêu cụ thể khung thời gian/thời hạn thực hiện] với các khoảng dừng [nêu cụ thể nếu cần - bỏ nếu không liên quan]."

[Alternative 2: If the Good(s) are to be supplied at regular intervals, with no limitation in time:

[Tùy chọn 2: Nếu Hàng hóa được cung cấp theo từng đợt định kỳ và không có giới hạn về thời gian :

MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

"1.3.1 The Good(s) to be manufactured and supplied to the Client by the Manufacturer under this contract shall be delivered as from [specify date of first delivery], with the following intervals [specify schedule or intervals]."

1.3.1 Hàng hóa được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng bởi Nhà Sản xuất theo hợp đồng này phải được giao từ [nêu cụ thể Ngày giao hàng đầu tiên], với các đợt như sau [nêu lịch giao hàng và các khoảng dừng giữa các đợt]."

[Alternative 3: If the Good(s) are to be manufactured and supplied upon orders of the Client:

[Tùy chọn 3: Nếu Hàng hóa được sản xuất và cung cấp theo các đơn đặt hàng của Khách hàng:

"1.3.1 The Good(s) to be manufactured and supplied to the Client by the Manufacturer under this contract shall be delivered within days/weeks [specify number of days/weeks] following each of the Client's orders. The Client's orders shall be placed with the Manufacturer not less than weeks [specify number of weeks] before the beginning of each quarter/month [select what is relevant], and shall cover all goods to be manufactured and supplied to the Client during that quarter/ month [select what is relevant]. Each of the Client's orders shall be final, except that the Manufacturer shall give reasonable consideration to any amendment to an order requested by the Client before the beginning of the quarter/month for which the order was placed. The orders shall be given in writing or, if given orally, shall be confirmed by the Client in writing within a reasonable period."

"1.3.1 Hàng hóa được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng bởi Nhà Sản xuất theo hợp đồng này phải được giao trong vòng Ngày/tuần/ [nêu số Ngày/tuần] kể khi có đơn đặt hàng của Khách hàng. Đơn hàng của Khách hàng phải được chuyển đến với Nhà Sản xuất không muộn hơn tuần [nêu rõ số tuần] trước khi bắt đầu mỗi quý/tháng [chọn cái nào liên quan] và phải nêu tất cả hàng hóa cần được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng trong suốt quý/ tháng đó [chọn cái nào liên quan]. Mỗi đơn đặt hàng của Khách hàng phải là bản chốt cuối cùng trừ khi Nhà Sản xuất đưa ra các lý do hợp lý để sửa các đơn hàng được đặt bởi Khách hàng trước khi bắt đầu quý/tháng phải thực hiện đơn hàng. Các đơn đặt hàng phải bằng văn bản, nếu chỉ bằng lời nói thì phải được xác nhận bởi Khách hàng bằng văn bản trong một khoảng thời gian hợp lý."

1.4 [Only for contracts/situations where the Client has to disclose to the Manufacturer such of its technology as is necessary to enable the Manufacturer to manufacture the Goods in accordance with the specification listed in schedule 1. If this Article 1.4 applies, check whether Article 5 should also apply – this sub-Article 1.4, or parts of it, shall be deleted if not relevant/not applicable.]

1.4 [Chỉ dành cho các hợp đồng/trường hợp Khách hàng phải tiết lộ cho Nhà Sản xuất công nghệ của mình cần thiết để Nhà Sản xuất có thể sản xuất Hàng hóa theo các đặc điểm quy định trong phụ lục 1. Nếu Điều 1.4 này áp dụng, kiểm tra xem liệu có nên áp dụng đồng thời Điều 5 không - Điều 1.4 này, hoặc một phần của nó, có thể xóa nếu không liên quan/không thể áp dụng.]

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

As soon as practicable after the execution of this contract the Client shall at its own cost disclose to the Manufacturer such of its technology as is necessary to enable the Manufacturer to manufacture the Goods in accordance with the specification in schedule 1.

Trong thời gian sớm nhất có thể sau khi bắt đầu thực hiện hợp đồng này, bằng chi phí của mình, Khách hàng phải tiết lộ cho Nhà Sản xuất về công nghệ cần thiết để Nhà Sản xuất có thể sản xuất Hàng hóa phù hợp với đặc điểm quy định trong phụ lục 1.

1.4.1 Any such disclosure of technology shall be subject to the confidentiality provisions of Article 9, but nothing in this contract shall require the Client specially to prepare any technology or to engage in any research or development on the Manufacturer's behalf.

1.4.1 Bất kỳ việc tiết lộ bí quyết công nghệ nào sẽ phải theo quy định bảo mật trong Điều 9 nhưng không có quy định nào trong hợp đồng này yêu cầu Khách hàng phải chuẩn bị đặc biệt bất kỳ loại công nghệ nào hay phải tham gia vào bất kỳ dự án nghiên cứu hay phát triển nào nhân danh Nhà Sản xuất.

1.4.2 The Client shall permit the Manufacturer to send, at the Manufacturer's expense, appropriately qualified employees of the Manufacturer to visit the Client's premises for training with the Client's technology. The numbers of the Manufacturer's employees who are to visit any premises of the Client and the timing of any visits, as well as any other relevant issue such as security, safety, indemnification in case of negligence, etc. shall be as agreed in advance between the Client and the Manufacturer.

1.4.2 Khách hàng phải cho phép Nhà Sản xuất gửi, bằng chi phí của Nhà Sản xuất, các nhân viên có năng lực của Nhà Sản xuất sang cơ sở của Khách hàng để được đào tạo công nghệ của Khách hàng. Số lượng nhân viên của Nhà Sản xuất đến bất kỳ cơ sở nào của Khách hàng và thời điểm những đợt đến này cũng như bất kỳ vấn đề liên quan nào khác như an ninh, an toàn, bồi thường thiệt hại trong trường hợp có sơ suất... phải được thỏa thuận trước giữa Khách hàng và Nhà Sản xuất.

1.4.3 The Manufacturer shall not supply the Goods produced through the use of the Client's technology to any person other than the Client.

1.4.3 Nhà Sản xuất không được phép cung cấp Hàng hóa được sản xuất thông qua việc sử dụng công nghệ của Khách hàng cho bất kỳ người nào khác ngoài Khách hàng.

1.5 [Only for contracts/situations where the Client has to supply the Manufacturer with certain specific equipment – the sub-Article, or parts of it shall be deleted if not relevant/not applicable.]

1.5 [Chỉ dành cho các hợp đồng/trường hợp Khách hàng phải cung cấp cho Nhà Sản xuất một số thiết bị cụ thể nhất định - có thể xóa khoản này nếu không phù hợp/ không thể áp dụng.]

As soon as practicable after the execution of this contract the Client shall at its own cost supply the Manufacturer with any equipment which is necessary for the proper manufacture of the Goods under this contract, and install it at the Manufacturer's premises.

MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

Trong thời gian sớm nhất có thể sau khi bắt đầu thực hiện hợp đồng này, Khách hàng, bằng chi phí của mình, phải cung cấp cho Nhà Sản xuất bất kỳ thiết bị nào cần thiết để sản xuất Hàng hóa theo hợp đồng này, và sẽ phải lắp đặt thiết bị đó tại cơ sở của Nhà Sản xuất.

1.5.1 The Client warrants that, at the time of installation at the Manufacturer's premises, the equipment will be in good working order and fit for its purpose for a period of production hours [specify number of hours], subject to fair wear and tear and except in the case of improper maintenance or use or any other default on the part of the Manufacturer.

1.5.1 Khách hàng phải đảm bảo rằng, tại thời điểm lắp đặt tại cơ sở của Nhà Sản xuất, thiết bị phải trong tình trạng hoạt động tốt và phù hợp với mục đích của chúng trong khoảng thời gian là giờ sản xuất [nêu cụ thể số giờ], với sự hao mòn hợp lý và ngoại trừ trong trường hợp bảo dưỡng hay vận hành không đúng hay bất kỳ lỗi nào khác từ phía Nhà Sản xuất.

1.5.2 The equipment shall remain the absolute property of the Client but shall, for so long as it is in the possession or control of the Manufacturer, be at the sole risk of the Manufacturer. The Manufacturer shall accordingly ensure that it is properly and securely stored and identified as the property of the Client, and shall not part with possession of it, or make it available, to any third party.

1.5.2 Thiết bị sẽ vẫn hoàn toàn thuộc sở hữu của Khách hàng nhưng trong thời gian chúng thuộc quyền chiếm hữu của Nhà Sản xuất thì Nhà Sản xuất phải chịu các rủi ro đối với thiết bị. Theo đó, Nhà Sản xuất phải đảm bảo rằng thiết bị được cất trữ đúng cách và an toàn và được xác định là tài sản của Khách hàng, và không chia sẻ quyền chiếm hữu hoặc quyền tiếp cận thiết bị với bất kỳ bên thứ ba nào.

1.5.3 The Manufacturer shall maintain with a reputable insurance company insurance cover for the replacement cost or the repair of the equipment and damages, and shall have the Client's interest noted on the policy.

1.5.3 Nhà Sản xuất phải mua bảo hiểm tại công ty bảo hiểm có uy tín để bảo hiểm cho chi phí thay thế, sửa chữa thiết bị và thiệt hại, và lợi ích của Khách hàng phải được ghi trên đơn bảo hiểm.

1.5.4 The Client shall, from time to time during the period of this contract and at the Manufacturer's reasonable and duly documented request, reimburse the Manufacturer in respect of the reasonable costs of any tooling required for the maintenance and the repair or replacement of the equipment, except in the case of any default on the part of the Manufacturer.

1.5.4 Tùy từng thời điểm trong suốt thời hạn hợp đồng này và theo yêu cầu hợp lý và thích đáng bằng văn bản của Nhà Sản xuất, Khách hàng phải hoàn lại cho Nhà Sản xuất các chi phí hợp lý của bất kỳ thiết bị nào cần thiết để bảo dưỡng, sửa chữa hay thay thế thiết bị ngoại trừ trong trường hợp lỗi từ phía Nhà Sản xuất.

MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

1.5.5 The Manufacturer shall not use the Client's equipment except for the purposes of supplying the Goods to the Client under this contract, and he shall not supply the Goods produced through the use of the Client's equipment to any person other than the Client.

1.5.5 Nhà Sản xuất chỉ được sử dụng thiết bị của Khách hàng duy nhất cho mục đích cung cấp Hàng hóa cho Khách hàng theo hợp đồng này và Nhà Sản xuất cũng không được phép cung cấp Hàng hóa sản xuất bằng việc sử dụng thiết bị này của Khách hàng cho bất kỳ người nào khác ngoài Khách hàng.

1.6 [Only for contracts/situations where the Client has requested the Manufacturer submit samples before production is launched. – the entire sub-Article shall be deleted if not relevant/not applicable]. The Manufacturer shall, within days/weeks [specify number of days/weeks] after the execution of this contract [Alternative: As soon as practicable after the disclosure of the Client's technology and the supply and installation of the equipment under Article 1.4] submit to the Client for approval pre-production samples of the Good(s). The Manufacturer shall not commence the manufacture of the Goods until the Client has communicated its approval of the samples to the Manufacturer in writing. Approval shall not be unreasonably withheld or delayed by the Client and, once given, shall constitute irrevocable confirmation that the Goods manufactured in conformity with the samples (or differing only within normal industrial limits) will comply with the specification in schedule 1 and will meet the requirements of quality specified in Article 4, except in respect of defects which are not capable of being revealed on reasonable inspection by the Client.

1.6 [Chỉ dành cho các hợp đồng/trường hợp mà Khách hàng yêu cầu Nhà Sản xuất nộp các mẫu trước khi bắt đầu sản xuất - toàn bộ khoản này có thể xóa nếu không liên quan/không thể áp dụng]. Nhà Sản xuất phải, trong vòng Ngày/tuần [nêu rõ số Ngày/tuần] sau khi bắt đầu hợp đồng này. [Lựa chọn khác: Ngay sau khi tiết lộ cho bên kia biết về bí quyết công nghệ và cung cấp và lắp đặt thiết bị theo Điều 1.4], nộp cho Khách hàng phê duyệt các mẫu Sản phẩm trước khi sản xuất. Nhà Sản xuất không được phép bắt đầu sản xuất Hàng hóa cho đến khi Khách hàng thông báo bằng văn bản việc chấp nhận các mẫu cho Nhà Sản xuất. Chấp thuận không thể bị rút lại hay trì hoãn một cách không hợp lý bởi Khách hàng và một khi đã được đưa ra, chấp thuận sẽ được coi như một xác nhận không thể bị hủy bỏ rằng Hàng hóa được sản xuất theo mẫu (hoặc có sai khác trong giới hạn cho phép trong sản xuất công nghiệp) được coi là phù hợp với các đặc điểm quy định trong phụ lục 1 và thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng quy định trong Điều 4, trừ những lỗi không thể bị phát hiện trong quá trình kiểm tra bình thường bởi Khách hàng.

1.7 Either party may at any time request that the Goods be adapted/amended in order to comply with any applicable safety or other statutory requirements. If the changes induced by such adaptation/amendment materially affect the nature or quality of the Goods, the Parties shall renegotiate in good faith the relevant parameters of this contract and any relevant schedule.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

1.7 Tại bất cứ thời điểm nào, một trong hai bên đều có thể yêu cầu Hàng hóa phải được điều chỉnh/sửa để đảm bảo các yêu cầu của pháp luật về an toàn hay về các vấn đề khác. Nếu thay đổi do sự điều chỉnh/sửa đổi đó ảnh hưởng đáng kể đến tính chất hay chất lượng của Hàng hóa, các Bên phải đàm phán lại trên tinh thần thiện chí về các vấn đề liên quan của hợp đồng này và bất kỳ phụ lục nào.

2. Payment of price

2. Điều khoản thanh toán

2.1 All sales of the Goods under this contract shall be:

2.1 Hàng hóa theo hợp đồng này phải được bán:

2.1.1 At the prices calculated in accordance with schedule 2; and

2.1.1 Theo giá được tính theo phụ lục 2; và

2.1.2 Subject to the terms of sale set out in schedule 4, to the exclusion of any other terms, except as provided in this contract or agreed in writing between the Parties.

2.1.2 Theo các điều khoản mua bán quy định trong phụ lục 4, không gồm bất kỳ điều khoản nào khác trừ các điều khoản quy định trong hợp đồng này hoặc được các Bên chấp thuận bằng văn bản.

2.2 The Manufacturer shall invoice the Client for the price in respect of all goods supplied under this contract on or at any time after each delivery to the Client.

2.2 Nhà Sản xuất phải phát hành hóa đơn cho Khách hàng cho Hàng hóa đã cung cấp theo hợp đồng này sau mỗi lần giao hàng cho Khách hàng.

2.3 Subject to its rights under Article 4, the Client shall pay the price stated in each invoice submitted by the Manufacturer under Article 2.2 within 30 days of the date of the invoice.

2.3 Phù hợp với các quyền trong Điều 4, Khách hàng phải thanh toán toàn bộ số tiền trên mỗi hóa đơn của Nhà Sản xuất gửi theo Điều 2.2 trong vòng 30 Ngày kể từ Ngày trên hóa đơn.

3. Late payment and interest

3. Chậm thanh toán và lãi suất trả chậm

If payment is not made on the due date, the supplier shall be entitled, without limiting any other rights it may have, to charge interest on the outstanding amount (both before and after any judgment) at the rate of [specify] % per annum.

Nếu việc thanh toán không được thực hiện vào Ngày đến hạn, nhà cung cấp có quyền, không giới hạn bất cứ quyền nào khác mà bên này có thể có, tính lãi đối với số tiền trả chậm (cả trước và sau bất kỳ quyết định giải quyết tranh chấp nào) với mức lãi suất là [nêu rõ] % mỗi năm.

MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

[Comment: The Parties should take into consideration that in some legal systems payment of interest is unlawful, or is subject to a legal maximum rate, or there is provision for statutory interest on late payments.]

[Bình luận: Các Bên cần chú ý rằng trong một số hệ thống luật pháp, việc trả lãi là bất hợp pháp hoặc phải theo mức lãi suất tối đa theo luật, hoặc pháp luật có quy định về lãi suất đối với chậm thanh toán.]

4. Quality of the products

4. Chất lượng sản phẩm

4.1 In entering into this contract, the Client relies on the Manufacturer's expertise to manufacture the Goods, and the Manufacturer accordingly warrants to the Client that all goods under this contract shall:

4.1 Khi ký kết hợp đồng này, Khách hàng tin tưởng vào chuyên môn của Nhà Sản xuất trong việc sản xuất Hàng hóa liên quan, và tương ứng với đó Nhà Sản xuất phải đảm bảo với Khách hàng rằng tất cả hàng hóa theo hợp đồng này sẽ:

4.1.1 Conform in all respects to the specifications in schedule 1;

4.1.1 Phù hợp về mọi mặt với các đặc điểm quy định trong phụ lục 1;

4.1.2 For a period of [specify duration] from delivery, be of the quality required by the contract and free from defects in design, workmanship or materials; in case of delivery of defective or non-conforming goods, the Manufacturer shall remedy the defect or the non-conformity within 30 days after receipt of a written notice giving full particulars of the defect or the non-conformity and requiring it to be remedied. If the defect or the non-conformity amounts to a material breach of any of the provisions of this contract and the Manufacturer fails to remedy the breach within 30 days after receipt of the aforesaid written notice, the Client shall be entitled to terminate this contract in conformity with Article 7.2.1.

4.1.2 Trong thời gian [nêu rõ thời gian] kể từ Ngày giao hàng, có chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng và không có lỗi thiết kế, gia công hay vật liệu; trong trường hợp giao hàng có lỗi hoặc không phù hợp, Nhà Sản xuất phải khắc phục lỗi hoặc điểm không phù hợp đó trong vòng 30 Ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản với đầy đủ các chi tiết về lỗi sản phẩm hay sự không phù hợp và các yêu cầu khắc phục. Nếu lỗi hay sự không phù hợp của sản phẩm nghiêm trọng đến mức tạo thành vi phạm đáng kể bất kỳ quy định nào trong hợp đồng và nếu Nhà Sản xuất không khắc phục được vấn đề này trong vòng 30 Ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản nói trên, Khách hàng có quyền hủy hợp đồng này theo Điều 7.2.1.

4.1.3 Comply with all standards and applicable statutes and regulations relating to the Goods [specify type of standards/statutes/ regulations – delete sub-Article if not applicable].

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU THỎA THUẬN SẢN XUẤT THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ - TIẾNG VIỆT

- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện một phần của tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (Zalo, Viber) để hỗ trợ ngay.

